

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HS-ST
ngày 12 - 9 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T sinh ngày 15 tháng 5 năm 1982 tại xã H, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 4/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thợ mộc. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 17/3/2021 bị Hạt kiểm lâm huyện M xử phạt 10.000.000đồng về hành vi tàng trữ lâm sản trái phép. Con ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2 - đã chết. Vợ Nguyễn Thị N và có 02 con (con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2013). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023.

2. Nguyễn Ngọc H sinh ngày 02/8/1964 tại xã C, huyện C, tỉnh K. Nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: không. Con ông Nguyễn N và bà Đỗ Thị P- đã chết. Vợ Phạm Thị C và có 02 con (con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2013). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023.

3. Triệu A P sinh ngày 16 tháng 3 năm 1994 tại xã Q, huyện L, tỉnh L. Nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc: Dao. Trình độ học vấn: 2/12. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Ngày

20/11/2022 bị Công an huyện M xử phạt 1.500.000đồng về hành vi đánh bạc. Con ông Triệu Hữu T và bà Hoàng Thị N. Vợ Lý Thị N1 - đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023.

4. Lê Đăng D sinh ngày 16 tháng 11 năm 1981 tại huyện T, tỉnh T. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T. Nơi đăng ký tạm trú: Thôn 1, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Bảo vệ trường Tiểu học La Văn Cầu, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Con ông Lê Đăng S và bà Đỗ Thị L. Vợ Đoàn Thị H1 và có 02 con (con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2015). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023.

Các bị cáo hiện đang tại ngoại, các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện, tỉnh Đ. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/7/2023, Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, Triệu A P và Lê Đăng D cùng nhau uống rượu tại nhà T ở thôn E, xã C. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền.

T lấy chiếu và chăn của gia đình trải lên nền nhà phòng khách và lấy 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà T, cùng các đối tượng đánh bài liêng có tổ, được thua bằng tiền. Cách thức đánh và tỷ lệ ăn thua quy định như sau: Mỗi ván bài một người được chia 03 quân bài, mỗi ván đặt cược là 50.000đồng, sau đó ai đặt cược tổ thêm thì tùy, nhưng tiền cược tổ không quá 500.000đồng, ai thắng cược thì được nhận hết số tiền đặt cược 50.000đồng của 03 người và tiền cược đã tổ trên chiếu.

Số tiền của từng đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: T 2.000.000đồng, P 2.300.000đồng, H 2.000.000đồng, D 2.000.000đồng (trong đó, D vay của H 1.000.000đồng). Quá trình đánh bạc các đối tượng bỏ toàn bộ số tiền lên trên chiếu ngay tại vị trí phía trước chỗ ngồi của của mình để tiện cho việc đánh bạc.

Đến 16 giờ 20 phút cùng ngày, T, P, H và D đang đánh bạc, thì bị lực lượng Công an huyện M'Đrăk bắt quả tang, thu giữ: Trên chiếu bạc 8.300.000đồng; 02 bộ bài tây (tú lơ khơ); 01 chiếc chiếu; 01 cái chăn; 01điện thoại di động hiệu OPPO A57 của D.

* Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 21/QĐ -VKS ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, Triệu A P và Lê Đăng D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai: Sau khi uống rượu, khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 04/7/2023, do trời mưa, các bị cáo không về nhà được. Sẵn có 02 bộ bài tú lơ khơ trong nhà bị cáo T, các bị cáo nảy sinh ý định đánh bài liêng được thua bằng tiền. Khi tham gia chơi bài liêng, bị cáo T sử dụng 2.000.000đồng, bị cáo P sử dụng 2.300.000đồng, bị cáo H sử dụng 2.000.000đồng, bị cáo D sử dụng 2.000.000đồng (trong đó, bị cáo D vay của bị cáo H 1.000.000đồng). Khoảng 16 giờ 20 cùng ngày, các bị cáo đang chơi bài liêng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ 8.300.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Nhà mà các bị cáo chơi bài liêng, là nhà của bố ông Đ. Sau khi bố ông Đ chết, ông Đ cho vợ chồng bị cáo T mượn để ở. Ngày 04/7/2023, ông Đ không biết việc các bị cáo chơi liêng, được thua bằng tiền tại nhà ông Đ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, Triệu A P và Lê Đăng D phạm tội “Đánh bạc”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Xử phạt bị cáo Lê Đăng D từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng từ 5% đến 10% của các bị cáo T, H và D trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Triệu A P từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 8.300.000đồng; Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây (tú lơ khơ), 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc chăn; Chấp nhận việc cơ quan Điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A57 cho bị cáo Lê Đăng D.

* Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Các bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố các bị cáo theo thủ tục rút gọn là có cơ sở.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: vì mục đích tư lợi, khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 04/7/2023, tại phòng khách nhà ông Nguyễn Văn Đ (ông Đ cho bị cáo Lê Văn T mượn) ở thôn E, xã C. Các bị cáo T, H, P và D cùng nhau chơi bài liêng, được thua bằng tiền. Số tiền mà lực lượng Công an thu giữ vào lúc 16 giờ 20 phút cùng ngày trên chiếu bạc là 8.300.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đánh bạc trái phép, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, nên cần phải xử lý theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời có tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, tự phát phạm tội. HĐXX, xem xét tính chất, mức độ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo P là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo phải trực tiếp nuôi con nhỏ, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51BLHS.

HĐXX xét thấy, bị cáo P dùng số tiền lớn hơn các bị cáo để đánh bạc, bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo; Bị cáo T phạm tội tích cực (trái chiếu, trái chặn ra nhà để các bị cáo đánh bạc), bị cáo H cho bị cáo D vay tiền để đánh bạc, nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo H là bằng nhau và cao hơn bị cáo D là phù hợp.

Các bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo T, bị cáo H và bị cáo P có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo D có nơi làm việc ổn định. HĐXX áp dụng Điều 36 BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Theo biên bản xác minh, bị cáo T và bị cáo H có mức thu nhập bình quân là 7.000.000đồng/tháng, bị cáo D có mức thu nhập 6.155.000đồng/tháng. Nên khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo T, bị cáo H là 350.000đồng, của bị cáo D là 310.000đồng để sung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo P có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện nghèo, một mình trực tiếp nuôi con nhỏ, nên cho miễn khấu trừ thu nhập.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là người cho bị cáo T mượn nhà để ở, ông Đ không biết các bị cáo đánh bạc tại phòng khách nhà ông Đ, nên không xem xét xử lý.

[4] Về xử lý vật chứng:

Chiếc điện thoại di động hiệu OPPOA57 thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Đăng D, không liên quan đến việc phạm tội. Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả chiếc điện thoại này cho bị cáo D là đúng quy định của pháp luật.

Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 8.300.000đồng, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ (bài tây), 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc chặn là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: các bị cáo bị kết án, các bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, Lê Đăng D và Triệu A P phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

+ Phạt bị cáo Lê Văn T 16 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Lê Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 350.000đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 16 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Ngọc H trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 350.000đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Phạt bị cáo Lê Đăng D 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Lê Đăng D trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 310.000đồng (Ba trăm mười ngàn đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 BLHS: Phạt bị cáo Triệu A P 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Đăng D cho Trường Tiểu học La Văn Cầu, xã C, huyện M, tỉnh Đ; Giao các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H và Triệu A P cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với Nhà trường, gia đình các bị cáo Thanh, H và P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002506 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ (bài tây), 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc chăn. Số lượng, đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk ngày 22/8/2023.

- Chấp nhận việc cơ quan Điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả chiếc điện thoại điện thoại di động hiệu OPPO A57 cho bị cáo Lê Đăng D.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc H, Triệu A P và Lê Đăng D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

4. Bảo quyền kháng cáo

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- UBND xã Cư San, EaLai;
- xã Tân Châu, huyện Triệu Hóa,
- tỉnh THóa
- Trường tiểu học La Văn Cầu, xã Cư San;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương